

SẮC THÁI CHĂM TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

Trần Thiều*

I. ĐÔI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC CHĂM⁽¹⁾

Lịch sử cho biết người Chăm phát tích ở Quảng Nam, từ xa xưa đoàn thuyền của họ đã ghé vào miền Trung và Nam Việt. Họ dẫn người bản xứ như Rhadé, Gia Rai và một số tộc người lên miền núi, họ đã phối hợp với một số đàn bà Khmer và bản xứ thành một dân tộc gọi là Chăm. Theo sử Chân Lạp thì tộc người này đến đây đã lập triều đình riêng vào khoảng trước năm 289 tr. CN.

Khi họ tràn xuống miền Nam bán đảo, vương quốc Chăm đã đụng chạm với Chân Lạp và Phù Nam. *“Có người cho rằng về mặt chủng tộc người Chăm vốn thuộc dòng quý tộc của Ấn Độ, vì thất thế ở chính quốc, nên phiêu dạt đi tìm đất mới để cư trú dung thân”⁽²⁾.*

Địa bàn cư trú tộc người Chăm giáp bờ biển có những cánh đồng nhỏ hẹp từ Hoàn Sơn vào đến Bình Thuận, chạy tới biên thùy Chân Lạp, có núi ngăn cách chia xứ này làm nhiều khu. Sông ở đây ngắn và cạn, trước đây dân tộc Chăm cư trú từ Quảng Bình trở vào đến Bình Thuận, nhưng có tác giả cho là cả vùng Biên Hòa trước đây cũng có người Chăm tự cư sinh sống, vùng này cũng có người Rhadé, Gia Rai, Mạ và các tộc người sinh sống dọc theo dãy núi Trường Sơn.

Người Chăm tự cư sinh sống trên dải đất miền Trung, với địa lý thiên nhiên giữa một bên là dãy Trường Sơn cao vút và một bên là biển cả, với mảnh đất khô cằn ít màu mỡ, nhất là về mùa nắng. Tự cư sinh sống trong khung cảnh thiên nhiên như vậy, người Chăm phải tìm cách khắc phục chế ngự thiên nhiên. Do đó trên địa bàn cư trú của người Chăm còn lưu lại dấu tích của những công trình trị thủy, các đập nước, hồ chứa nước,...

Về phương diện kinh tế, người Chăm đã thuần dưỡng được giống lúa gọi là *“lúa Chiêm”*, người Việt đã đem giống lúa này ra miền Bắc để cấy trong mùa nắng, gọi là cấy vụ chiêm, để tăng năng suất sản lượng nhờ làm được hai vụ. Người Chăm cũng rất thạo nghề đánh bắt thủy hải sản ở ven biển và sông hồ, nhất là nghề chài lưới ở Phan Rang, Phan Thiết. Chính vì thiên nhiên và cuộc sống, người Chăm phải tự rèn luyện tính cách cứng rắn, cương nghị và thượng võ...

* Khoa Sử, Đại học Khoa học Huế. Việt Nam.

Ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ đối với văn hóa Chăm phát triển mạnh trong khoảng thế kỷ VII đến thế kỷ XV, cho đến khi vương quốc Chăm chấm dứt sự tồn tại của mình. Do đó khi nói đến sắc thái Chăm trong văn hóa Việt Nam thì phải nói đến ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ trong văn hóa Việt Nam. Việc hình thành văn hóa Chăm thì Bàlamôn giáo là yếu tố quan trọng nhất.

Tôn giáo của người Chăm có đạo Bàlamôn, đạo Hồi (Islam), đạo Phật và một số tín ngưỡng, tập tục cổ truyền của dân bản xứ. Ngoài các tôn giáo Ấn Độ, người Chăm còn thờ các vị anh hùng có công với dân tộc. Người Chăm hiện có khoảng 99.000 người. Người Chăm Hồi giáo có khoảng 16.000 người ở miền Trung và khoảng 7.000 người ở Châu Đốc, Tây Ninh và TP Hồ Chí Minh, hiện nay có khoảng 5 vạn tín đồ Hồi giáo, nhưng khác với xã hội Hồi giáo coi trọng đàn ông, người Chăm BàNi vẫn coi trọng phụ nữ trong gia đình, trong cưới hỏi,...

Di tích còn lại cho ta thấy trong một đền thờ của dân tộc Chăm, thờ lẫn lộn các vị thần. Trong tháp Po Nagar ta thấy tượng của vợ Siva bên nữ thần Pono-Nagar. Theo các bia ký người Chăm ở Mỹ Sơn thì dân tộc Chăm chia làm 4 giai cấp giống như ở Ấn Độ: giai cấp Brahmanes (tăng lữ), giai cấp Kchatriyas (võ sĩ), Vaicyas (nông dân), Sudras (nghèo khó).

Về tinh thần dân tộc Chăm thiếu sự thống nhất, chia nhiều phe, trong đó có hai phe có thế lực là phe Cau và Dừa (tên này theo quan niệm Tô tem), khu vực Cau sống chủ yếu ở miền Nam Trung Bộ. Dừa sinh tụ ở vùng Quảng Nam, họ ham thích xây đền đài (điển hình trải hàng trăm năm di tích rải rác khắp từ Quảng Bình đến Bình Thuận).

Cuối thế kỷ XVIII, người Chăm đã lùi dần về phía Nam, quy tụ ở Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết và một số ở Nam Bộ như Châu Đốc - An Giang..., dần dần dân tộc Chăm cộng cư sinh sống làm ăn hòa đồng trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Những đền đài như Tháp Hòa Lai, Tháp Bà, Phật viện Đồng Dương, Đại Hữu, Mỹ Đức, Chiên Đàn, Thánh địa Mỹ Sơn, Tháp Đôi, Phú Diên... đã thu hút nhiều du khách, đặc biệt điện đài của người Chăm có thờ lẫn cả tượng Phật Thích ca, Phật Quán Âm, A Di Đà...

Người Chăm sinh tụ ở dọc bờ biển miền Trung, Nam Trung Bộ và Nam Bộ có tục thờ và sùng bái cá voi. Dọc ven biển Quảng Nam, người ta đã tìm được những di chỉ phong phú có quy mô lớn với những mộ chum bằng gốm chứa cốt đã hỏa táng, những công cụ nông nghiệp và binh khí bằng sắt có niên đại vào thiên niên kỷ I tr. CN.

Nói đến văn hóa Chăm không thể không nói đến các đền, tháp, những đền tháp này nằm rải rác từ ven biển miền Trung đến Nam Trung Bộ, nơi có những người Chăm cư trú. Theo thống kê cho biết hiện còn 19 khu tháp⁽³⁾ với 41 kiến trúc lớn. Số lượng các khu tháp và các phế tích Chăm do chiến tranh tàn phá hoặc còn nằm sâu dưới lòng đất chưa thể xác định được. Riêng cụm tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam) đã có tới trên 70 kiến trúc lớn nhỏ. Sự tinh tế của các tháp

Chăm thể hiện ở những hình chạm khắc tỷ mỹ, trau chuốt do nghệ nhân đục đẽo trực tiếp lên tường tháp.

Theo H.Parmentier, nhà nghiên cứu người Pháp, nhận xét, người Chăm chạm gạch như chạm gỗ, đẽo đá như đẽo gỗ. Tháp Chăm gồm các quần thể kiến trúc bộ ba như các nhóm tháp Chiên Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam), Khương Mỹ (phía Tây Tam Kỳ, Quảng Nam), Dương Long (Tây Sơn, Bình Định), Tháp Đôi (Hưng Thạnh, Quy Nhơn), Hòa Lai (Phan Rang), các quần thể kiến trúc có một tháp trung tâm và các tháp phụ vây quanh như nhóm tháp Đồng Dương hay còn gọi là Phật viện Đồng Dương (Thăng Bình, Quảng Nam), tháp này thờ hỗn hợp cả Bàlamôn và Phật giáo (Phật-Siva), nhóm cụm tháp Mỹ Sơn (Duy Xuyên, Quảng Nam), nhóm Tháp Bà (Nha Trang). Các tháp Chăm đều có dạng đỉnh núi nhọn, kiến trúc phụ có mái cong hình thuyền, đặc thù trong kiến trúc nhà cửa của cư dân Đông Nam Á. Kiến trúc tháp Chăm mang đậm nét của văn hóa, tính cách bản địa và văn hóa nông nghiệp khu vực, biểu tượng cho thiên nhiên miền Trung núi non trùng điệp.

Xã hội Ấn Độ vốn theo phụ hệ, nhưng xã hội Chăm từ xa xưa cho đến nay vẫn theo mẫu hệ, ảnh hưởng của Bàlamôn giáo Ấn không làm thay đổi được nếp tôn vinh người phụ nữ - người mẹ trong truyền thống ngàn đời của người Chăm nói riêng và cư dân nông nghiệp Đông Nam Á nói chung, như Mẹ Xứ Rừng ở Phan Rang, Mẹ Xứ Chim ở Phan Thiết, Mẹ Xứ Chài ở Bà Rịa-Vũng Tàu, Mẹ Xứ Lau ở Nha Trang, Thiên Yana Thánh Mẫu hay Bà Chúa Ngọc⁽⁴⁾ ở Điện Hòn Chén (Huế), Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc-An Giang)...

Về phương diện lịch sử và nhân chủng, chúng ta thấy trên dải đất từ Nam Quan đến Cà Mau, từ xa xưa nhiều tộc người có mặt từ rất sớm đã chen vai sát cánh, cùng sinh sống làm ăn: gồm người Kinh (Việt), Chăm, Khmer, Mường, Nùng, Tày, Thái, Kháng, Dao, Gia Rai, Ba Na, Séđăng, Hré, Tàôi, Cotu, Bru-Vân Kiều, Mạ...

Dân tộc Chăm cũng như đồng bào trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam, sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, chăn nuôi, trồng hoa màu, đánh bắt thủy hải sản...

Người Chăm hành nghề chài lưới dọc bờ biển miền Trung, một số ở Nam phần, có tục tôn sùng cá voi nên thờ cá voi, vì xa xưa người Chăm là những cư dân sống ở các đảo rải rác trên Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, khi di cư vào lục địa vẫn còn tin tưởng vào quyền lực hay thần quyền trên biển cả.

II. SẮC THÁI CHĂM TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

Nghiên cứu về “Sắc thái Chăm trong văn hóa Việt Nam” trong bài khảo cứu của học giả Thái Văn Kiểm, tác giả bài “*Influences du Champa sur la Culture Vietnamiennne*” đăng trong Nguyệt san Văn hóa Á châu số 33, thì sắc thái Chăm đã thâm nhập qua nhiều lĩnh vực như tôn giáo, văn hóa, kinh tế, mỹ thuật của Việt Nam, làm cho chúng ta phải trân trọng và khâm phục.

Những đền đài của dân tộc Chăm như Tháp Bà (Nha Trang), Tháp Đôi, Hòa Lai, Phật Viện Đồng Dương, Đại Hữu, Mỹ Đức, Chiên Đàn, Mỹ Sơn,... Chúng ta đã bảo tồn phục chế, công nhận những di tích Chăm trong hệ thống di tích lịch sử văn hóa Việt Nam và một vài di tích đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới như cụm tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam), Tháp Bà (Nha Trang)...

Qua bang giao Việt-Chăm trong nhiều thế kỷ, tiếng Việt cũng được phong phú thêm nhờ sự tiếp xúc giữa hai dân tộc. Về phương diện ngôn ngữ với rất nhiều tiếng Chăm Việt hóa, mà hiện nay còn sử dụng với giọng nói pha giọng Chăm. Tiếng Việt từ Bát đã lấy tiếng Bata của Chăm là cái vại hình ống đựng nước. Tiếng Cù lao phát tích ở tiếng Kulau. Ở miền Trung tiếng ni, tê, mô, răng, rừa, ni, nay và nhiều tiếng khác nữa có lẽ cũng là các tiếng Chăm gia nhập vào ngôn ngữ Việt. Các vần anh, ách, ênh, ếch, ính, ích, nói thành aen, aet, ưn ư, in it ở vùng Quảng Bình, Quảng Trị, ở Thừa Thiên-Huế pha giọng Chăm an, at, en, et, on, ôn, ôt thành ang, ang co, eng ec, oong ooc, ôông ôôc, chứng tỏ trong quá trình sống chung mật thiết của hai dân tộc Việt-Chăm.

Các nhạc cụ như sinh tiền, trống cơm, người Việt làm phỏng theo Chăm, cả những điệu ca, vũ nhạc (điệu nam sấu bi ai oán) của dân tộc Chăm cũng được người Việt phổ nhạc theo lời của mình.

Văn chương bình dân Việt Nam đã sớm mượn sự tích ấy làm thành một loại thơ lục bát có tính cách tôn giáo tín ngưỡng, người ta gọi là châu văn mà tác giả Nguyễn Văn Trinh sống vào thế kỷ XIX như sau:

*Bóng trăng thấp thoáng, làn mây chập chờn
 Hương sắc trời nước nào hơn
 Bồng đầu biển mất như cơn giấc hòe
 Hương thừ thấp thoáng còn nghe
 Trong khi gặp gỡ ai dè sắc không
 Hôm sau gió mát trăng trong
 Nhìn cây lại thấy tiên dung ra vào.....*

Các điệu ca, nhịp múa của người Chăm cũng được vua chúa Việt Nam say mê, tìm hiểu. Ta có ca khúc gọi là "*Chiêm Thành âm*" và các bài châu văn, vọng cổ Nam ai, Nam bình là những phỏng tác của nhạc điệu và âm điệu Chăm, do người Chăm sáng tác trong thời kỳ suy vong, giọng êm đềm nhưng buồn. Chuyện Tấm Cám, Thằng Cuội ngồi gốc cây đa, Dạ Xoa trong "Lĩnh Nam Chích Quái" từ thế kỷ XIV, Chúa Ôn trong "Truyện Kỳ Mạn Lục" và một số tác phẩm thế kỷ XVI đều phỏng theo chuyện Ramayana của Ấn Độ du nhập vào người Chăm từ xa xưa. Người Kinh (Việt) sinh sống bằng nghề đánh bắt thủy hải sản dọc bờ biển miền Trung và Nam Bộ còn theo tục Chăm tôn sùng, thờ cúng cá voi.

Về kiến trúc và chạm trổ vào đá, chúng ta cũng nhận thấy sắc thái mỹ thuật Chăm trong văn hóa Việt Nam. Thời Tiền Lê, vua Lê Đại Hành khi đem

quân chinh phạt vương quốc Chăm, vua mang về một nhà sư Ấn Độ đang hành đạo ở Chăm và đầu thế kỷ X, nhà sư Đạm Khi cũng có nuôi một vị sư Chăm. Vào thời kỳ này có sư Haha Mara là người Chăm đến Việt Nam và tu tại chùa Quán Âm.

Đời vua Lý Thánh Tông cũng đem ở vương quốc Chăm về một nhà sư người Hoa tên là Thảo Đường, được phong Thiền Sư vào năm 1069. Thảo Đường Thiền sư lập ra phái Thiền học (Dyana) trong khoảng thời gian 1069-1205. Vua Lý Thánh Tông khi tiến quân vào kinh đô Chà Bàn (Đồ Bàn) đã xem xét, nghiên cứu cách xây dựng chùa tháp, cung đình, nghệ thuật chạm khắc của dân tộc Chăm, khi trở về vua có đem theo một số tù binh để sử dụng vào việc xây dựng, chạm khắc đá ở chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột) vào năm 1049, tạc đài sen, hành lang chạm đá.

Vua Lý Thánh Tông cho xây chùa Báo Thiên phỏng theo kiểu Chăm, do thợ Chăm làm vào năm 1057 cũng chạm khắc đá. Cũng tại chùa Phật Tích có chạm khắc các vũ nữ, nhạc công ở chân cột chùa là hình ảnh các vũ công, ca nữ Chăm, còn tượng đầu người mình chim (Kinnara) và một loạt các loài thú to lớn khoảng 10 con nằm chầu hai bên như sư tử, nghé, tê giác, voi... là những dấu ấn giao thoa Chăm-Việt. Chúng ta còn tìm thấy ở Thăng Long các chạm khắc vũ nữ, chim thần, rồng, rắn Naga... đến ngày nay vẫn còn giá trị về mỹ thuật của chạm khắc này.

Vua nhà Lý rất thích các điệu múa "Tây Thiên", sử dụng cung nhân, ca nhạc nữ của cung đình Chăm. Năm 1046 còn cho xây cung Ngân Hán cho cung nữ Chăm ở, chế xe "Bồng La Nga" kiểu Chăm mui cong có xe voi kéo. Vua Lý Anh Tông lấy công chúa Chăm con vua Harivarman vào năm 1153. Sự giao thoa mỹ thuật, nhạc khí Chăm như sự phục hưng tổng hòa về văn hóa mang sắc thái Việt-Chăm. Nhiều điện, đài, lăng, miếu đời Lý, Trần đã mang dấu tích của kiến trúc Chăm do thợ Chăm, hoặc thợ người Việt phỏng theo kiến trúc Chăm. Chúng ta thấy đền Lý Bát Đế ở Bắc Ninh, lăng Quận Công Nguyễn Điển cạnh chùa Lim vị tướng có công bình định vương quốc Chăm. Ở chùa Thầy (Sơn Tây) có hai phỗng đá châu hầu, tạc theo hình người Chăm, quỳ chân chấp tay phía trước, bụng phệ và mắt lờm. Có nhiều làng thờ Ông Đùng, Bà Đàng (phiếm âm tiếng Chăm Ay Đun nghĩa là linh ứng). Đôi lúc chúng ta cũng ngậm ngùi nhìn những tháp vắng vẻ ở Bình Định, hoặc thung lũng hoang vu ở Mỹ Sơn, hoặc một ít tường thành đứt đoạn trong bụi rậm um tùm ở Thừa Thiên-Huế, Quảng Trị, Quảng Bình,...

Sự tích thờ Thiên Y A Na, Điện Bà Chúa Ngọc Thánh Phi có nhiều đoạn tương tự với sự tích Liễu Hạnh Thánh Mẫu hay Giáng Hương Thánh Mẫu, đều nhuộm màu sắc Lão giáo. Như vậy hai tín ngưỡng Nam và Bắc gặp nhau, khi lấy hành đào, ruộng dưa, cành mẫu đơn hay khúc gỗ kỳ nam làm vật biểu giải, hai dân tộc đã thông cảm cùng nhau trong việc thờ phụng, thành kính một vị nữ thần, để cùng quên đi quá khứ hướng đến tương lai.

Gần cố đô Huế, phía thượng nguồn sông Hương có đền Ngọc Trân (ở Huế quen gọi là “Điện Hòn Chén”) do vị tiên đế triều Nguyễn cho xây một ngôi đền gọi là Huệ Nam Điện để thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Cứ Xuân Thu nhị kỳ, một thượng quan triều Nguyễn, đại diện cho triều đình đến hành lễ cầu xin Thánh Mẫu phù hộ quốc thái dân an. Hiện nay hằng năm vẫn tổ chức cúng lễ ở điện này.

Bà Chúa Ngọc hay Chúa Tiên hay Thánh Mẫu Thiên Y A Na theo cách gọi của người Chăm và người Việt đã được vua nhà Nguyễn sắc phong chức “*Hồng Nhơn Phổ Tế linh ứng Thượng đẳng thần*” ở đền Cù Lao Quỳnh thuộc Đại An, cửa biển sông Cái trước mặt điện Poh Nagar ở Nha Trang, hằng năm triều Nguyễn có ủy thác cho bộ Lễ về đây làm lễ quốc tế.

Nghiên cứu văn hóa chúng ta thấy người Việt ở Phú Thọ có tục đội đầu rất giống tục đội đầu của người Chăm, cũng dùng hồ, bình bằng đất đội trên đầu và đi. Nói đến dân tộc Chăm là nói đến loại trang phục áo choàng của con gái, khăn đội đầu và khi múa người Chăm sử dụng toàn thân nhất là từ thân trên và chân nhún nghiêng theo điệu múa, khi múa như thế thượng võ. Có người cho rằng áo dài của người Việt do ảnh hưởng Chăm, nhưng thực tế ta thấy không phải như vậy.

Những ma thuật của các thầy Bàlamôn như bùa yêu, trừ yếm, cầu tài, trừ tà, trừ trùng... đã Việt hóa thành huyền năng của các thầy phù thủy. Sự kiêng không dẫm chân vào bóng của nhau, kiêng không soi bóng mình xuống nước, kiêng nói điều gở, sự rắc vòng tro để cúng trừ “*con Nam*”, ngâm chân người xuống nước cho chết đuối mà thế cho mình, sự lên đồng, xiên lĩnh vào má, rạch lưỡi cùng mọi thứ hành xác khác, sự cầu hồn, đánh đồng thiếp, lên đồng chữa bệnh,... cả một số ma thuật huyền bí đã Việt hóa. Những chuyện Từ Đạo Hạnh đánh nhau với Pháp sư Đại Điện cũng như những huyền năng của sư Minh Không thời Lý và nhiều chuyện phù thủy khác.

Những chuyện đồng bóng có bóng cậu, thờ tam phủ, tứ phủ cả y phục khi ngồi đồng bóng cho đến điệu hát chầu văn, dường như của Chăm cũng Việt hóa. Sự tôn sùng, thờ cúng cá voi (Makara) từ Đèo Ngang trở vào Nam cũng theo tục Chăm. Thờ Rắn (Naga), thờ Ngựa trắng (Uccaih Cravas), thờ cọp, cây đa cũng vậy.

Bàn về mỹ thuật Chăm với những tháp còn lưu lại, ta thấy vào thời ấy vật liệu chỉ có đất nung thành gạch hoặc đá, nhưng đá chỉ được dùng vào chỗ nào cần, như trên cửa vào, ở góc, mà đá xây lại đẹp như thế cũng đã giỏi lắm rồi. Những hàng cột khoan thai đuối nhau trong những đường song nhịp nhàng, uyển chuyển ở mặt tường thuộc tháp Mỹ Sơn ai nhìn thấy cũng phải say mê. Nghề chạm đá của nghệ nhân Chăm với những tượng vũ nữ Chăm thân hình nở nà, vững chắc, đầy đặn mà vẫn thanh cao, với bộ ngực tròn trĩnh xinh xinh, với dáng điệu nhẹ nhàng, hoà cùng các bộ phận cân đối, chứng tỏ tinh thần mỹ thuật của nghệ nhân Chăm đã đạt trình độ khá tinh vi.

Người Chăm đã để lại những dấu tích rực rỡ là những tháp bằng gạch trang điểm những thứ đá sỏi chạm trổ theo kiểu Ấn Độ, trong tháp có những pho tượng Bàlamôn hoặc tượng Phật. Đáng kể nhất là tháp ở Mỹ Sơn, Trà Kiệu và Khương Mỹ thuộc Quảng Nam, Tháp Đôi Bình Định, Tháp Po Nagar (Tháp Bà) Nha Trang, Tháp Hòa Lai Phan Rang, được xây vào thế kỷ VII và thế kỷ thứ XII.

Qua những biến cố thăng trầm của lịch sử, sắc thái Chăm trong văn hóa Việt Nam qua nhiều lĩnh vực như tôn giáo, văn hóa, kinh tế, mỹ thuật, khiến chúng ta khi tham quan những di tích Chăm phải khâm phục và khen ngợi về lĩnh vực mỹ thuật tinh xảo, khéo léo của người Chăm trong thời buổi ấy đã tạo nên những tác phẩm cho đời nay chiêm ngưỡng, thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu.

Do nhiều yếu tố hòa đồng cận cư, nên người Chăm dễ dàng pha trộn và chung đụng với người Kinh (Việt) và một số tộc người khác trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, chúng ta nhận thấy đã có rất nhiều liên lạc về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Tiếp thu văn hóa Ấn Độ, ta có nền văn hóa Chăm độc đáo và một nền Phật giáo Việt Nam. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa, ta có Nho giáo và Đạo giáo. Tiếp thu văn hóa phương Tây có Kitô giáo. Đặc tính xuyên suốt giao lưu văn hóa nhiều thế kỷ của cộng đồng dân tộc Việt Nam, với tinh thần bao dung, hiếu hòa là tính tổng hợp, dung hợp, tích hợp.

Hiện nay người Chăm cư trú ở 8 tỉnh thành trong cả nước, trong đó trên 80% cư trú ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Còn lại sống và làm ăn ở Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa, Tây Ninh, Đồng Nai, An Giang, TP Hồ Chí Minh. Kết quả điều tra dân số trong năm 1989 dân tộc Chăm có 98.971 người, đứng thứ 14 trong cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam⁽⁵⁾.

Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm phục hưng lĩnh vực văn hóa, nhiều giá trị tinh thần truyền thống được khôi phục. Các di sản văn hóa vật thể được Đảng, Nhà nước và nhân dân chú trọng trong việc bảo quản, tu bổ tôn tạo, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân, giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.

Trong Văn kiện Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam có đoạn "...Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc phát triển đi theo con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích truyền thống văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế-xã hội phải phù hợp với đặc thù của các dân tộc nhất là các dân tộc thiểu số"...

Cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam tuy có điểm khác nhau, nhưng có nhiều điểm tương đồng giống nhau rõ nét. Thời phong kiến các dân tộc đã tiến lên tụ hợp sinh sống làm ăn cùng chung trong lãnh thổ Việt Nam, một phần hợp chủng với người Kinh (Việt). Tính tình phong tục huyết thống không xa nhau nhiều.

Người Chăm bước sang giai đoạn mới của lịch sử - giai đoạn sống chung và hòa đồng. Việc sống chung và hòa đồng của dân tộc Chăm nói riêng và các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam nói chung là rất cần thiết để cùng phát triển và sinh tồn, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển về mọi mặt, trong xu thế hòa nhập cộng đồng khu vực và thế giới. Những quan niệm nông cạn hẹp hòi về chủng tộc, tôn giáo là nguồn gốc của mọi chia rẽ, chỉ có lợi cho sự trục lợi của đế quốc. Thực dân cũng như đế quốc đã âm mưu tách các dân tộc thiểu số ra khỏi cộng đồng dân tộc Việt Nam, thật là thủ đoạn thâm độc hòng chia rẽ đồng bào các dân tộc, phục vụ chính sách thực dân đế quốc. Vì tương lai phồn thịnh của cộng đồng 54 dân tộc cùng tồn tại và phát triển, đã chung lưng vượt qua những bước thăng trầm của lịch sử.

Đất nước đã độc lập thống nhất, ổn định về chính trị, xã hội, kinh tế, đời sống nhân dân các dân tộc đã được nâng cao, cùng nhau phát triển, quan hệ gắn bó về mọi mặt. Nhiều chính sách ưu tiên cho các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, hầu thắt chặt mối liên hệ, tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nạn nhân chiến tranh... Các cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm đã được xây dựng hầu khắp các bản làng của các đồng bào dân tộc trong cả nước. Đặc biệt Nhà nước Việt Nam đã phủ sóng trên toàn quốc chương trình truyền thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số, để người dân tộc thiểu số hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đó cũng là điều kiện để nâng cao tầm nhận thức, nâng cao đời sống kinh tế-văn hóa-giáo dục, giao lưu hiểu biết lẫn nhau, cùng cộng đồng phát triển bền vững, hạn chế bớt sự cách biệt giữa các vùng dân tộc sinh sống, để cộng đồng 54 dân tộc sống chung trên đất nước Việt Nam ấm no, hòa bình, hạnh phúc.

CHÚ THÍCH

1. Các tài liệu thường dùng tên gọi: Chiêm Thành, Chăm, Chăm, Chămpa. Trong bài này xin dùng tên gọi dân tộc Chăm.
2. Theo Lê Văn Siêu *Việt Nam văn minh sử cương*, Lá Bối, Sài Gòn, 1967, tr.335.
3. Có tài liệu cho là còn 24 đền tháp chính, và 40 kiến trúc lớn nhỏ.
4. Danh hiệu "Chúa Ngọc" do vua Minh Mạng phong tặng vào năm 1832.
5. Theo Trần Ngọc Thêm *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb TP Hồ Chí Minh, tái bản lần II, 1997, trang 449.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Lê Văn Siêu, *Việt Nam văn minh sử cương*, Lá Bối, Sài Gòn, 1967.
- 2- Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên*, Sài Gòn 1960.
- 3- Nghiêm Thẩm, *Tìm hiểu đồng bào Thượng* Sài Gòn 1960.
- 4- Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb TP Hồ Chí Minh, tái bản lần 2, 1997.